

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 07-01-2022

V/v: “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Tấn Đầu.

Ông Ngô Rạng Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2020/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 14/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Đặng Thanh T**, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh K.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc Bé T**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Đặng Thanh T trình bày:

Vào năm 2015 chị và anh Nguyễn Ngọc Bé T tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố P ngày 31/3/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc, đến tháng 01/2020 cũng vì vấn đề ghen tuông và kiểm chuyện vô cớ chửi bới chị, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, từ khi về chung sống với nhau anh T đi làm tự giữ tiền, mỗi lần kêu anh T đưa tiền mua đồ thì anh T chửi bới. Vì nghĩ đến con nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng kéo dài cuộc sống hôn nhân, nhưng mọi chuyện mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình cảm không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể nào chung sống với nhau được nữa. Nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh C, sinh ngày 26/6/2016, chị T thống nhất giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Bé T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung như chị T trình bày. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Anh T vẫn còn yêu thương vợ con, muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dưỡng con chung cho tốt, nên anh T không đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh C, sinh ngày 26/6/2016, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, vì hiện nay con chung đang sống với anh T, anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Đặng Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh T, về con chung chị đồng ý giao cho anh T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh T vắng mặt tại phiên tòa, nên không ghi nhận được ý kiến.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm thời hạn thụ lý vụ án và thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 195 và khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng, đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T, vì quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T lâm vào tình trạng

trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn lại được. Về con chung, chị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đồng ý giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, đây là sự tự nguyện của đương sự có cơ sở chấp nhận. Do đó, cần chấp nhận giao cháu C cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Bé T có nơi cư trú tại thành phố Phú Quốc, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Ngọc Bé T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại đơn khởi kiện chị Nguyễn Đặng Thanh T yêu cầu nuôi con, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đồng ý giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của chị T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu về nuôi con chung của chị T, theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, về vi phạm thời hạn thụ lý và chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án sẽ rút kinh nghiệm chung.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2015 chị Nguyễn Đặng Thanh T và anh Nguyễn Ngọc Bé T tìm hiểu, tự nguyện chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn tại UBND phường D ngày 31/3/2016, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Đến tháng 01/2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên anh, chị không còn sống chung với nhau, anh T thì sinh sống tại tổ 3, khu phố B, phường D, chị T sinh sống tại nhà mẹ ruột thuộc tổ 7, khu phố A, phường D, thành phố P. Anh, chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ đó đến nay.

Theo kết quả xác minh, chính quyền địa phương nơi cư trú không biết mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T. Mẹ chị T cho rằng chị T

và anh T sống chung với mẹ chị T từ đầu năm 2016, đến cuối năm 2016, chị T và anh T ra sống riêng, quá trình chung sống vợ chồng chị T không có mâu thuẫn gì lớn. Vào khoảng năm 2018 anh T ghen tuông đánh chị T, nên chị T về nhà mẹ chị T sinh sống cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên chị T hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T, nhưng chị T cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, Tòa án không thể hòa giải đoàn tụ. Xét thấy, chị T và anh T đã không còn sống chung với nhau, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Minh C, sinh ngày 26/6/2016, anh T yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, anh T đang nuôi dưỡng con chung và chị T tự nguyện để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, để đảm bảo sự phát triển về thể chất, tinh thần, phù hợp với tâm lý, độ tuổi và giới tính của cháu và không làm thay đổi cuộc sống của cháu, nên giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu C đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí:

Chị Nguyễn Đặng Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Đặng Thanh T đối với anh Nguyễn Ngọc Bé T.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Đặng Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Bé T.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 26/6/2016 cho anh Nguyễn Ngọc Bé T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Không bên nào được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3]. Về tài sản chung: Không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Đặng Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007551 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Đặng Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc Bé T vắng mặt tại phiên tòa, nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- Chi cục THADS thành phố Phú Quốc;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Quách Văn Khánh